TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 195/2023/DS-PT
Ngày: 04/4/2023
V/v tranh chấp "*Chia di sản thừa kế*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Hoàng Khải**;

Các Thẩm phán: Ông **Lê Thanh Vân**;

Ông **Võ Ngọc Giàu**.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông **Bùi Công Danh** - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Ông **Võ Trung Hiếu** - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 04 tháng 4 năm 2023, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 513/2022/TLPT-DS ngày 30 tháng 12 năm 2022 về việc tranh chấp "*Chia di sản thừa kế*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 181/2022/DS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 160/2023/QĐ-PT ngày 21 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Bà Dương Thị V, sinh năm 1953.

Địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

1.2. Bà Dương Thị Q, sinh năm 1955.

Địa chỉ: Ấp x, xã L, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

1.3. Bà Dương Thị V1, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

1.4. Ông Dương Văn Ch, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền của bà V, bà Q, bà V1, ông Ch: Ngô Hoàng Nh, sinh năm 1991. Địa chỉ: Ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

Theo giấy ủy quyền được công chứng số 350 ngày 07/02/2023

2. Bị đơn:

Bà Dương Thị O, sinh năm 1950. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Dương Kim B, sinh năm 1968. (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp S, xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Dương.

3.2. Anh Nguyễn Duy C, sinh năm 1979 (có mặt).

3.3. Nguyễn Thảo Nh, sinh ngày 12/6/2005.

3.4. Nguyễn Anh Đ, sinh ngày 22/8/2007.

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo pháp luật của Nguyễn Thảo Nh, Nguyễn Anh Đ: Anh Nguyễn Duy C, sinh năm 1979. Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

3.5. Bà Hồ Thị L, sinh năm 1943. (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Bình Dương.

4. Người kháng cáo: Bị đơn Dương Thị O.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm,

Nguyên đơn ông Dương Văn Ch đồng thời là đại diện theo ủy quyền bà Dương Thị V, bà Dương Thị Q và bà Dương Thị V1 trình bày:

Cha ông tên Dương Văn G, chết năm 1969, mẹ là bà Võ Thị T, chết năm 1992.Cha mẹ ông có 06 người con gồm: Ông Dương Văn H, đã chết (không nhớ năm chết, có vợ tên Hồ Thị L và 01 người con gái tên là Dương Kim B, sinh năm 1968), bà Dương Thị O, sinh năm 1950, bà Dương Thị V, sinh năm 1953, bà Dương Thị Q, sinh năm 1955, bà Dương Thị V1, sinh năm 1957 và ông Dương Văn Ch, sinh năm 1960.

Sinh thời, cha mẹ ông có tạo lập thửa đất số 1147, diện tích 1.200m^2 và phần đất diện tích 6.500m^2 cùng tọa lạc tại Ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Năm 1984, cha mẹ đã phân chia phần đất 6.500m^2 cho bà V 1.000m^2, bà Q 1.000m^2, bà O 2.500m^2, bà V1 1.000m^2 và ông Ch 1.000m^2.

Sau khi cụ G chết, vợ là cụ T trực tiếp quản lý và đứng tên kê khai sử dụng thửa đất số 1147, diện tích 1.200m^2. Trước đó từ năm 1980, cụ T có cất một căn nhà để ở chung với ông Ch trên thửa đất này. Năm 1984, chồng bà O chết nên cụ T cho bà O về sống chung nhà với bà và ông thì phát sinh tranh chấp nội bộ trong gia đình, ông ra ở riêng chỉ còn lại cụ T và bà O sống chung với nhau đến năm 1992 thì cụ T chết. Sau khi cụ T chết, thì bà Dương Thị O tự ý tháo dỡ căn nhà này để xây dựng lại nhà tường kiên cố mà không thông qua ý kiến của các anh chị em.

Năm 1992, bà B từ tỉnh Bình Dương về nhận dòng họ, ông có nói phải chia phần đất đang tranh chấp cho cho bà B thì bà O nói chia cho bà B bằng tiền nhưng cũng không thực hiện, khi ông nhắc bà O thì phát sinh tranh chấp trong

gia đình đến nay.

Nay ông, bà Dương Thị V, bà Dương Thị Q, bà Dương Thị V1 yêu cầu tòa án giải quyết:

+ Xác định thửa đất số 1147, diện tích 1.200 m^2 (diện tích thực đo 1.039,8 m^2) do bà Võ Thị T kê khai nhưng chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tọa lạc tại Ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang là di sản thừa kế do cụ T, cụ G để lại. Hàng thừa kế của cụ G, cụ T gồm có: Ông Dương Văn H (ông Hai đã chết, hàng thừa kế thế vị của ông Hai là bà Hồ Thị L, bà Dương Kim B), bà Dương Thị V, bà Dương Thị Q, bà Dương Thị V1, bà Dương Thị O và ông.

Do cụ G, cụ T chết không để lại di Ch, bà L, bà B từ chối nhận di sản nên yêu cầu chia thửa đất 1147 cho hàng thừa kế của cụ G, cụ T làm 05 phần cho ông, bà V, bà Q, bà V1 và bà O mỗi người 01 phần như sau: Chia bà Dương Thị O phần đất có diện tích 275,4m^2 (ký hiệu số 2). Chia chung cho ông, bà V, bà Q, bà V1 phần đất có diện tích 741,3m^2 (ký hiệu số 1 và 3) theo bản đồ địa chính khu đất trích đo ngày 27/10/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C. Ông, bà V, bà Q, bà V1 đồng ý bồi thường giá trị tài sản trên phần đất (ký hiệu số 1 và 3) cho bà O theo biên bản định giá ngày 18/11/2020 của hội đồng định giá tài sản tranh chấp.

Bị đơn bà Dương Thị O trình bày:

Cha bà là Dương Văn G, chết năm 1969, mẹ là bà Võ Thị T, chết năm 1992.Cha mẹ bà có 06 người con gồm: Ông Dương Văn H, đã chết (không nhớ năm chết, có vợ tên là Hồ Thị L và 01 người con gái tên là Dương Kim B), bà Dương Thị V, bà Dương Thị Q, bà Dương Thị V1, ông Dương Văn Ch và bà.

Sinh thời cha mẹ bà có tạo lập được 02 phần đất gồm: Thửa đất số 1147, diện tích 1.200 m^2 tọa lạc tại Ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Trên đất có căn nhà thờ của cụ T hiện tại căn nhà này bà đã sửa chữa lại và quản lý, sử dụng ổn định và thửa đất có diện tích khoảng 6.000m^2 tọa lạc tại Ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang đã chia đều cho các con, không ai tranh chấp. Do bà sống chung và phụng dưỡng đến lúc chết nên cụ T đã cho bà thửa đất 1147, toàn quyền sử dụng, định đoạt đối với phần đất trên và căn nhà thờ trên đất nhưng chỉ nói miệng, không làm giấy tờ gì nên đối với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn thì bà không đồng ý. Nếu ai ở thì bà cho ở chứ không được phân chia. Hiện nay bà đang quản lý đất, sống cùng con trai Nguyễn Duy C, cháu Nguyễn Thảo Nh và Nguyễn Anh Đ trên đất.

Bà thống nhất với bản đồ địa chính khu đất tranh chấp trích đo ngày 27/10/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C và biên bản định giá tài sản ngày 18/11/2021.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị L và bà Dương Kim B trình bày: Hai bà là vợ và con của của ông Dương Văn H. Ông Hai là con của ông Dương Văn G và bà Võ Thị T. Đối với phần di sản do cụ G, cụ T để lại hai bà từ chối nhận di sản vì điều kiện kinh tế đã đầy đủ. Đề nghị Tòa án chia di sản

cho các đồng thừa kế còn lại. Hai bà không có ý kiến hay yêu cầu gì. Vì đều kiện công việc không cho phép, hai bà xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

*** Bản án dân sự sơ thẩm số:** 181/2022/DS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã Căn cứ: Căn cứ vào: Khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều: 609, 610, 611, 612, 613, 614, 618, 620, 623, 649, 651 và 660 của Bộ luật dân sự; Các Điều 166, 167, 179 và 195 của Luật đất đai; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị V, bà Dương Thị Q, bà Dương Thị V1 và ông Dương Văn Ch về yêu cầu chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật đối với phần di sản của bà Võ Thị T.

1. Chia cho bà Dương Thị O được quyền quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 275,4m^2 (ký hiệu số 2 trong sơ đồ), đây là một phần diện tích của thửa đất số 03, tờ bản đồ số 30 tại Ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang, theo bản đồ địa chính khu đất trích đo ngày 27/10/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C (có sơ đồ kèm theo) và toàn bộ tài sản trên đất ngay khi án có hiệu lực pháp lực. Có tứ cận: Đông: Giáp Ngô Văn Th; Tây: Giáp đường bê tông; Nam và Bắc: Giáp phần còn lại của thửa đất số 03.

2. Buộc bà O phải di dời công di dời 35 cây kiểng có đường kính gốc từ 5 đến 10cm, 21 cây kiểng có đường kính gốc từ 10 đến 20cm và 01 cây kiểng có đường kính gốc trên 20cm để chia cho bà Dương Thị V, bà Dương Thị Q, bà Dương Thị V1 và ông Dương Văn Ch quyền quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 741,3m^2 (ký hiệu số 1 và số 3 trong sơ đồ), đây là một phần diện tích của thửa đất số 03, tờ bản đồ số 30 tại Ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang, theo bản đồ địa chính khu đất trích đo ngày 27/10/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C (có sơ đồ kèm theo) và 13 bụi chuối, 49 cây mít, 01 cây chôm chôm, 02 cây tắc, 02 cây măng cục, 06 cây dừa, 02 cây xoài, 02 cây ổi, 01 cây vú sữa, 01 bụi tre, 01 cây mận, 04 cây nhãn, 01 cây đu đủ, 01 cây me, 01 cây cóc ngay khi án có hiệu lực pháp lực. Tứ cận:

- Phần đất ký hiệu số 1: Đông: Giáp Ngô Văn Th; Tây: Giáp đường bê tông; Nam: Giáp Ngô Văn Th; Bắc: Giáp phần còn lại của thửa đất số 03.

- Phần đất ký hiệu số 3: Đông: Giáp Ngô Văn Th; Tây: Giáp đường bê tông; Nam: Giáp phần còn lại của thửa đất số 03; Bắc: Giáp Diệp Quốc Bảo.

3. Bà Dương Thị O, bà Dương Thị V, bà Dương Thị Q, bà Dương Thị V1 và ông Dương Văn Ch có quyền liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký đất đai theo quy định tại Điều 95 Luật đất đai năm 2013 ngay khi án có hiệu lực pháp lực.

4. Ghi nhận bà Dương Thị V, bà Dương Thị Q, bà Dương Thị V1 và ông Dương Văn Ch tự nguyện trả lại cho bà O số tiền 83.648.000 đồng ngay khi án có hiệu lực pháp lực.

Kể từ ngày bà O có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Dương Thị V, bà Dương Thị Q, bà Dương Thị V1 và ông Dương Văn Ch chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và khoảng thời gian chậm thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 23/11/2022 bà Dương Thị O kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm yêu cầu TAND tỉnh Tiền Giang xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của 04 nguyên đơn: Dương Thị V, Dương Thị Q, Dương Thị V1, Dương Văn Ch.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Dương Thị O thay đổi yêu cầu kháng cáo đề nghị chia thêm cho bà phần đất bên phải phần đất bà được chia chiều ngang 5m từ trước thẳng ra phía sau đất, người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà O, đề nghị giữ nguyên quyết định sơ thẩm.

Các đương sự không có thỏa thuận được giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký tòa án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm chuẩn bị nghị án đều được tiến hành đúng trình tự thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng đúng luật định.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án, kiểm sát viên nhận định tòa sơ thẩm xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Dương Thị V, Dương Thị Q, Dương Thị V1, Dương Văn Ch buộc bà Dương Thị O chia cho bà V, bà Q, bà V1, ông Ch phần đất có diện tích 741,3m^2 thuộc một phần của thửa số 3, tờ bản đồ số 30 tại Ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà phúc thẩm. Nghe các đương sự trình bày, tranh luận. Ý kiến phát biểu nhận xét và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát. Xét thấy:

[1] Bà Dương Thị O thực hiện quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định đúng theo quy định tai Điều 271, 272, 273, 276 BLTTDS nên được chấp nhận xét xử phúc thẩm. Nguyên đơn Dương Thị V, Dương Thị Q, Dương Thị V1, Dương Văn Ch ủy quyền cho Ngô Hoàng Nh làm đại diện tại phiên tòa phúc thẩm. Việc ủy quyền được thực hiện theo Điều 85, 86 BLTTDS. Bà Dương Kim B, bà Hồ Thị L là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xin vắng mặt. Nên căn cứ vào Điều 228, 296 BLTTDS xét xử vắng mặt bà L, chị Bằng.

[2] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn chia thừa kế theo pháp luật thửa đất 1147, diện tích 1200m^2 (đo đạc thực tế 1016,7m^2) do

cụ Dương Văn G, Võ Thị T (cha, mẹ) chết để lại tại Ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Đây là tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất thuộc thẩm quyền và phạm vi xem xét giải quyết theo quy định tại khoản 5 Điều 26 của BLTTDS, Điều 609, 610, 611, 616, 618, 620, 623, 649, 650, 651, 660 BLDS năm 2015 và Điều 167, 168, 188, 203 Luật đất đai năm 2013.

[3] Về nội dung tranh chấp và yêu cầu giải quyết: Theo tại liệu chứng cứ do đương sự cung cấp thể hiện: Cha mẹ ông bà là Dương Văn G và Võ Thị T có 06 người con gồm: Dương Văn H đã chết (có vợ là Hồ Thị L và Dương Kim B), Dương Thị O, Dương Thị V, Dương Thị Q, Dương Thị V1, Dương Văn Ch. Khi còn sống cha mẹ ông bà tạo lập được 6500m^2 đất tại Ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Năm 1969 cụ G chết, cụ T tiếp tục quản lý đến năm 1984, cụ T phân chia cho bà V, bà Q, bà V1, ông Ch mỗi người 1000m^2, bà O 2500m^2 còn phần đất 1200m^2 thuộc thửa 1147 cụ T tiếp tục quản lý sử dụng, trên đất có cất một căn nhà để ở chung với ông Ch. Năm 1984 chồng bà O chết nên bà O về ở chung nhà với cụ T. Năm 1992 cụ T chết sau đó bà O tháo dở căn nhà cũ, xây dựng lại nhà mới kiên cố ở cho đến nay.

Do cụ G và cụ T chết không để lại di Ch đối với thửa đất 1147, diện tích 1200m^2 (đo đạc thực tế 1016,7m^2) nên các nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật phần đất nói trên.

Bị đơn Dương Thị O xác nhận: Về họ tên cha mẹ và số anh chị của bà gồm 06 người như nguyên đơn khai báo là đúng. Về tài sản do cha mẹ bà tạo lập được phần đất hơn 6000m^2 tại Ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Phần đất này đã được mẹ bà phân chia đều cho các con khi còn sống, không ai tranh chấp. Còn phần đất thửa 1147 diện tích 1200m^2 trên đất có căn nhà thờ do cụ T quản lý. Do bà sống chung và phụng dưỡng cụ T cho đến lúc chết nên cụ T đã cho bà thửa đất này và căn nhà trên đất toàn quyền sử dụng định đoạt. Sau khi cụ T chết bà đã sửa lại căn nhà ở cho đến nay, vì vậy bà không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Án sơ thẩm xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Dương Thị V, Dương Thị V1, Dương Thị Q, Dương Văn Ch chia thừa kế theo pháp luật phần di sản của cụ Võ Thị T phần diện tích thửa số 3, tờ bản đồ số 30 tại ấp Ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang cho bà O 275,4m^2 và bà V, Q, V1, Ch diện tích 741,3m^2 nhưng bà O không đồng ý nên kháng cáo.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Dương Thị O nhận thấy:

[4.1] Về quan hệ thừa kế: Nguyên đơn và bị đơn đều khai thống nhất có cha là Dương Văn G chết năm 1969 và mẹ là Võ Thị T chết năm 1992. Cha mẹ các ông bà có 06 người con thuộc hàng thừa kế thứ nhất nhưng hiện còn sống 05 người gồm 04 nguyên đơn và bị đơn. Còn ông Dương Văn H đã chết (có vợ là Hồ Thị L và con Dương Kim B. Do bà Hồ Thị L và Dương Kim B có văn bản từ chối nhận di sản thừa kế (thế vị) của cụ Dương Văn G và cụ Võ Thị T (bút lục số 134) nên hàng thừa kế thứ nhất còn lại là V, V, Q, Ch và Oanh (theo Điều 650 và Điều 651 BLDS năm 2015).

[4.2] Về di sản tranh chấp thừa kế là thửa đất 1147, diện tích 1200m^2 tại Ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang do bà Dương Thị O đang quản lý sử dụng, có nguồn gốc của cụ Võ Thị T kê khai đăng ký. Nhưng theo Công văn 1105/CNVPĐKĐĐ ngày 28/7/2020 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đại huyện C cho biết, cụ T vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận (bút lục số 73-74). Sau khi cụ T chết, bà O tiếp tục quản lý sử dụng được đổi thành thửa mới số 03, tờ bản đồ số 30.

[4.3] Bà O cũng thừa nhận phần đất này là của cụ Võ Thị T chết để lại (bút lục số 46, 98, 110) bà O cho rằng bà sống chung và phụng dưỡng cụ T nên cụ T đã cho bà toàn quyền sử dụng, định đoạt thửa đất 1147 của cụ T. Do đó bà O không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên bà O không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh cụ T đã cho bà O thửa đất 1147 diện tích 1200m^2 tại Ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Vì vậy Tòa sơ thẩm xác định thửa đất 1147 - thửa mới số 3, tờ bản đồ số 30 tại Ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang, theo đo đạc thực tế 1016,7m^2 là di sản của cụ Võ Thị T để phân chia thừa kế là có căn cứ.

[5] Về phần đất các đương sự yêu cầu phân chia được thể hiện trên bản đồ địa chính khu đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C lập ngày 27/10/2021. Nguyên đơn yêu cầu phân chia cho bà O phần đất ở vị trí số 2 diện tích 275,4m^2 gắn liền với căn nhà bà O đang ở. Còn ở vị trí số 1 diện tích 354,4m^2 và vị trí số 3 diện tích 386,9m^2 các nguyên đơn yêu cầu được nhận chung tổng cộng 741,3m^2 được Tòa sơ thẩm xử chấp nhận là hợp lý và có lợi cho bà O vì đất bà O được chia diện tích nhiều hơn 70m^2 so với mỗi nguyên đơn nên việc bà O thay đổi yêu cầu chia thêm cho bà 5m chiều ngang, dài hết thửa đất là không hợp lý và không được đại diện nguyên đơn đồng ý nên không được chấp nhận. Riêng các vị trí từ 4 – 10 nằm xung quanh thửa số 3, tờ bản đồ số 30 tổng diện tích 32,93m^2 các đương sự không yêu cầu giải quyết nên giữ nguyên hiện trạng theo vị trí đất được chia.

[6] Về phần đất được chia cho 04 nguyên đơn (V, Q, V1, Ch) có 01 kho kết cấu ½ cột bê tông cốt thép + ½ cột nhờ nền đất, 2 vách tole, 01 vách nhờ, 01 không vách, kèo gỗ mái tole, diện tích 3,8 x 5,6m = 21, 28m^2 được định giá trị còn lại 30% thành tiền 6.937.812 đồng và các loại cây ăn quả và hoa kiểng trồng trên phần đất chia cho nguyên đơn được hưởng theo biên bản định giá ngày 18/11/2020 trị giá 76.710.000 đồng thì nguyên đơn đồng ý hoàn trả giá trị cho bị đơn cả hai khoảng này tổng cộng 83.647.812 đồng. Riêng số cây kiểng thì buộc bị đơn di dời ra khỏi các phần đất được giao cho nguyên đơn. Phần nội dung này không có kháng cáo kháng nghị nên giữ nguyên.

Từ các tài liệu chứng cứ đã phân tích nhận thấy án sơ thẩm xử có cơ sở đúng pháp luật. Bà Dương Thị O kháng cáo nhưng không cung cấp bổ sung chứng cứ mới có ý nghĩa pháp lý có thể thay đổi nội dung tính chất vụ án nên không chấp nhận, giữ y án sơ thẩm.

Về án phí: Bà Dương Thị V, Dương Thị V1, Dương Thị Q, Dương Văn Ch, Dương Thị O được miễn án phí dân sự theo quy định tại điểm đ khoản 1

Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xét ý kiến đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát có cơ sở phù hợp với nhận định của Tòa án được ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 270, 293, khoản 1 Điều 308, Điều 313 BLTTDS;

KHông chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Dương Thị O;

Giữ nguyên quyết định án sơ thẩm số 181/2022/DS-ST ngày 06/9/2022 của TAND huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào Điều 5, khoản 5 Điều 26, Điều 228, 296 của BLTTDS;

Căn cứ vào Điều 288, 609, 610, 611, 620, 649, 650, 651, 652, 660 của BLDS năm 2015. Tương ứng với các Điều 631, 632, 633, 642, 674, 675, 676, 677, 685 BLDS năm 2005.

Căn cứ vào Điều 95, 166, 167, 168, 179, 188, 195, 203 Luật đất đai năm 2013. Điều 2 Luật Người cao tuổi, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị V, Dương Thị Q, Dương Thị V1, Dương Văn Ch. Xác định thửa đất 1147, diện tích 1200m^2 – thửa mới số 3, tờ bản đồ số 30 diện tích theo hiện trạng 1039,8m^2 tại Ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang là di sản của cụ Võ Thị T chết để lại được chia thừa kế theo pháp luật như sau:

1.1. Chia cho bà Dương Thị O được quyền quản lý sử dụng phần đất diện tích 275,4m^2 thuộc một phần thửa đất số 3, tờ bản đồ số 30 tại Ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Và toàn bộ tài sản cây trồng, vật kiến trúc trên đất theo bản đồ địa chính khu đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C lập ngày 27/10/2021 thuộc vị trí số 2 có tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp đất Ngô Văn Th;
- Hướng Tây giáp đường bê tông;
- Hướng Nam giáp đất còn lại thửa số 3, tờ bản đồ sô 30;
- Hướng Bắc giáp đất còn lại thửa số 3, tờ bản đồ sô 30.

(Có sơ dồ kèm theo)

2. Chia cho bà Dương Thị V, Dương Thị Q, Dương Thị V1, Dương Văn Ch cùng chung diện tích 741,3m^2 theo bản đồ địa chính khu đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C lập ngày 27/10/2021 thuộc thửa số 3 tờ bản đồ số 30 tại Ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang tại các vị trí sau:

2.1. Vị trí 1 diện tích 354,4m^2

- Hướng Đông giáp đất Ngô Văn Th;
- Hướng Tây giáp đường bê tông;

- Hướng Nam giáp đất Ngô Văn Th;

- Hướng Bắc giáp phần đất chia cho bà O.

2.2. Vị trí 3 diện tích 386,9m^2

- Hướng Đông giáp đất Ngô Văn Th;

- Hướng Tây giáp đường bê tông;

- Hướng Nam giáp phần đất chia cho bà O;

- Hướng Bắc giáp đất Diệp Quốc Bảo.

(Có sơ dồ kèm theo)

2.3. Trên 02 phần đất được chia cho bà V, bà V1, bà Q, ông Ch đươc hưởng có:

- Chuối 13 bụi;
- Mít 49 cây.
- Chôm chôm 01 cây;
- Tắc 02 cây;
- Măng cụt 02 cây;
- Dừa 06 cây;
- Xoài 02 cây;
- Ổi 02 cây;
- Vú sữa 01 cây;
- Tre 01 bụi;
- Mận 01 cây;
- Nhãn 04 cây;
- Đu đủ 01 cây;
- Me 01 cây;
- Cóc 01 cây;
- Nhà kho diện tích 21,28m^2.

2.4. Buộc bà Dương Thị O phải di dời ra khỏi 2 phần đất được chia cho Dương Thị V, Dương Thị Q, Dương Thị V1, Dương Văn Ch tại vị trí 1 và vị trí 3 các cây kiểng:

- 35 cây kiểng đường kính gốc từ 5 -10cm;

- 21 cây kiểng đường kính gốc từ 10-20cm;

- 01 cây kiểng đường kính gốc trên 20cm.

3. Bà Dương Thị O, Dương Thị V, Dương Thị V1, Dương Thị Q, Dương Văn Ch được quyền liên hệ với cơ quan quản lý nhà nước về đất đai tại địa phương kê khai đăng ký cấp GCN QSDĐ được chia theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 95 Luật Đất đai năm 2013.

4. Ghi nhận bà Dương Thị V, Dương Thị V1, Dương Thị Q, Dương Văn Ch tự nguyện liên đới nghĩa vụ trả cho bà Dương Thị O giá trị cây trồng trên đất và phần giá trị nhà kho 21,28m^2 với số tiền 83.647.812 đồng.

Kể từ ngày bà O có đơn yêu cầu Thi hành án nếu bà V, bà V1, bà Q, ông Ch chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho bà O thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và 468 của BLDS năm 2015.

5. Về chi phí tố tụng: Các nguyên đơn tự nguyện chịu, không có yêu cầu nên không giải quyết.

6. Về án phí:

- Bà Dương Thị V, Dương Thị V1, Dương Thị Q, Dương Văn Ch được miễn án phí DSST.

- Bà Dương Thị O được miễn án phí DSST và án phí DSPT.

- Trả lại bà V, bà V1, bà Q, ông Ch mỗi người 750.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo các biên lai thu số 15719, 15720, 15721, 15722 ngày 03/7/2018 của CC THADS huyện C.

- Trả lại bà Dương Thị O 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0016995 ngày 30/11/2022 của CC THADS huyện C.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- CC THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Mai Hoàng Khải